

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 33

Họ và tên:.....

Lớp:.....



Câu 1: Điền dấu $>$, $<$, $=$:

$380 + 300$ $380 + 30$

$640 - 400$ $460 - 400$

$750 + 40$ $40 + 750$

$900 - 80$ $960 - 80$

Câu 2: Quan sát biểu đồ tranh sau:

Số củ cà rốt mỗi con thỏ ăn trong 1 tuần:

Thỏ trắng	
Thỏ đen	
Thỏ vàng	

Trả lời câu hỏi:

a - Thỏ trắng ăn được củ cà rốt

b - Thỏ đen ăn được củ cà rốt

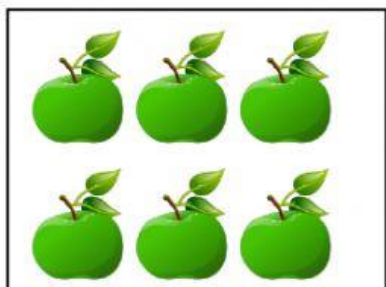
c - Thỏ vàng ăn được củ cà rốt

d - Con thỏ nào ăn được nhiều cà rốt nhất ?

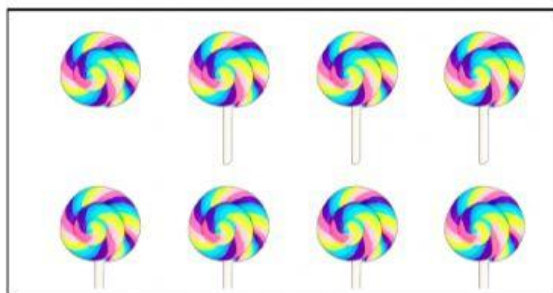
e - Con thỏ nào ăn được ít cà rốt nhất ?

f - Ba con thỏ ăn được tất cả bao nhiêu củ cà rốt?

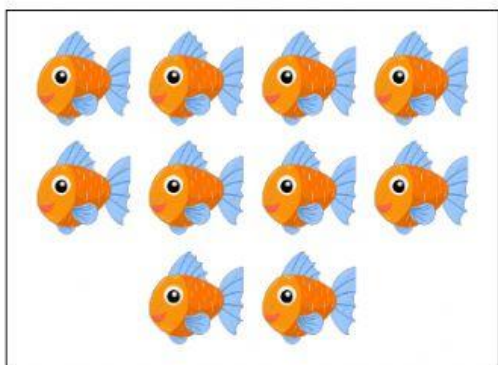
Câu 3: Điền vào ô trống:



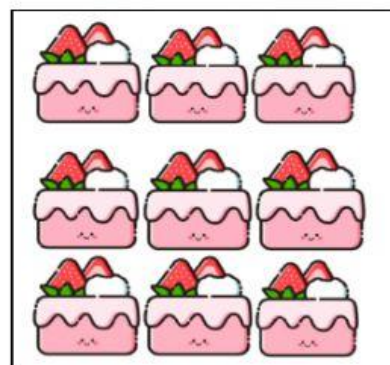
$\frac{1}{2}$ số quả táo là quả táo



$\frac{1}{4}$ số cái kẹo là cái kẹo



$\frac{1}{5}$ số con cá là con cá



$\frac{1}{3}$ số bánh kem là cái bánh

Câu 4 : Viết số thích hợp vào ô trống:

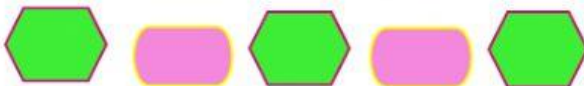
Số bị trừ	234	420	480	263		
Số trừ	104	110			234	132
Hiệu			120	203	410	345



Câu 5: Một cửa hàng bán đồ chơi đã nhập về 160 chú gấu bông, số quả bóng cửa hàng nhập về nhiều hơn số gấu bông là 72 quả. Hỏi cửa hàng nhập về bao nhiêu quả bóng?



Phép tính:



Cửa hàng nhập về  quả bóng

Câu 6: Nối A với B, sao cho phù hợp:

Chiều rộng của hộp bút khoảng

10 km

Cột cờ của nhà trường cao
khoảng

10 cm

Bạn An cao khoảng

10 m

Bề dày quyển sách Toán 2
khoảng

10 dm

Quãng đường Hà Nội- Hà Đông
dài khoảng

10 mm

Câu 7: Tìm x:

a) $x \times 50 = 100$

$x =$

$x =$

b) $x \times 40 = 120$

$x =$

$x =$

c) $x \times 5 = 60$

$x =$

d) $4 \times x = 128$

$x =$

Câu 8: Một cửa hàng hoa buổi sáng bán được 320 bó hoa tú cầu, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 129 bó hoa tú cầu. Hỏi buổi chiều cửa hàng bán được bao nhiêu bó hoa tú cầu?



Phép tính:

Buổi chiều cửa hàng bán được bó hoa tú cầu

Câu 9: Số ?

18	+	27	=	
+		+		+
27	+	18	=	
=		=		=
	+		=	

102	+	201	=	
+		+		+
201	+	102	=	
=		=		=
	+		=	

Câu 10: Tính:

